TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2026
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân;

2. Bà Nguyễn Thị Rê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Nguyền T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số H, khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp S, xã M, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 01 năm 2026, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Võ Thị Nguyền T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Văn L sống chung năm 2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An ngày 08-5-2018; C sống hạnh phúc đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã mất hạnh phúc, đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không kết quả, đã ly thân từ tháng 4-2020 đến nay.

1. Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L;

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

– Bị đơn là ông Nguyễn Văn L không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vụ án không hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt;

– Ngày 06-3-2026, bà Võ Thị Nguyền T có đơn xin xét xử vắng mặt;

– Bị đơn là ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Võ Thị Nguyền T khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Nguyễn Văn L, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[3] Bị đơn là ông L được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà T và ông L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 08-5-2018 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh). Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Bà T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã mất hạnh phúc, đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không kết quả, đã ly thân từ tháng 4-2020 đến nay. Tuy bà T không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng, nhưng xét từ khi xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay, bà T và ông L không khắc phục được mâu thuẫn gia đình, mỗi người vẫn tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau; Ông L biết được việc bà T khởi kiện ly hôn nhưng không có ý kiến, không có mặt tham gia hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa, ông L không

có ý chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận. Ông L không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Xét về nuôi con chung: Không có con chung nên không đề cập giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà T cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết nên không có căn cứ xem xét; Ông L không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí; Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60 và 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Nguyền T được ly hôn ông Nguyễn Văn L.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Nguyền T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001947 ngày 27-01-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà T đã nộp đủ án phí; Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Mỹ Quý, tỉnh Tây Ninh (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương